

QUÁ TRÌNH KHAI PHÁ VÙNG ĐẤT BÀ RIJA - VŨNG TÀU (TỪ THẾ KỶ XVII ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỶ XIX)

TRẦN NAM TIẾN*

1. Theo các nguồn tài liệu thì trước thế kỷ XVII, toàn vùng Đồng Nai - Gia Định trong đó có Bà Rịa - Vũng Tàu đã có dân cư sinh sống nhưng rất thưa thớt, chủ yếu là các dân tộc ít người bản địa như Châuro, S'teing, Mạ... Ngoài những lớp cư dân bản địa, còn có một vài buôn, sóc nhỏ của người Khmer nằm heo hút trên các giồng đất cao (1). Bên cạnh đó, lưu dân người Việt vào thế kỷ XVI đã từng theo đường biển lui tới trên đất Chân Lạp và một số nông dân đã sinh cơ lập nghiệp tại đây, đặc biệt là ở vùng Mỏ Xoài và miền Đồng Nai (2). Trong đó, "vùng Mỏ Xuy (Bà Rịa) bao gồm khu vực Long Hưng, Phước Lễ đã có người Việt đến định cư khai thác vào cuối thế kỷ XVI (3). "Thành phần chủ yếu nhất là những nông dân và thợ thủ công nghèo khổ ở các tỉnh phía ngoài bị cùng cực điều đứng về tai nạn chiến tranh, bị giai cấp phong kiến áp bức, bóc lột tàn bạo, không thể sống nổi, buộc lòng phải rời bỏ quê hương, làng xóm (...) di cư vào các vùng đất mới xa xôi đi tìm con đường sống" (4). Ngoài ra, còn phải kể đến "những người trốn tránh binh dịch, những tù nhân bị lưu đày, những binh lính đào ngũ hoặc giải ngũ, những thầy lang, thầy đồ nghèo..., và cả những người vốn đã giàu có nhưng vẫn muốn tìm nơi đất mới để mở rộng công việc làm ăn" (5).

Bên cạnh đó, các chúa Nguyễn cũng có chủ trương chiêu mộ dân đưa đến những vùng đất hoang, dân cư thưa thớt để khai khẩn, phát triển kinh tế, tăng cường binh lực cho Đàng Trong. Có thể nói, công cuộc Nam tiến là một ý tưởng chiến lược lớn của các chúa Nguyễn, bắt đầu từ thời Nguyễn Hoàng.

Chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635) kế vị Nguyễn Hoàng đã nắm lấy cơ hội vua Chân Lạp đang thế suy yếu, muốn dựa dẫm vào chúa Nguyễn để chống lại sự uy hiếp của người láng giềng Xiêm La, đã gả con gái cho vua Chey Chetta vào năm 1620. Chính mối quan hệ thông gia này đã dẫn đến việc vua Chân Lạp chấp nhận đề nghị của chúa Nguyễn cho người Việt được vào khai khẩn, buôn bán, lập nghiệp ở các vùng đất còn thưa thớt dân ở phía Đông Nam Chân Lạp. Vua Chey Chetta II đã đồng ý và cho phép người Việt được lập một khu dinh điền đầu tiên ở Mỏ Xoài (Bà Rịa) (6). Sau đó, năm 1623, "vua Chey Chetta chấp thuận cho chúa Nguyễn đặt sở thuế ở Prey Nokor (khu vực Sài Gòn ngày nay - TG). Nhân dịp này, Chính quyền chúa Nguyễn còn phái tướng lĩnh, quân đội đến đóng ở Prey Nokor trở ra Bắc đến biên giới Chiêm Thành (tức địa giới giữa Bà Rịa và Bình Thuận ngày nay) để giữ trật tự an ninh và

*TS. Khoa Lịch sử, ĐH KHXH&NV - ĐH QG Tp. Hồ Chí Minh.

khuyến khích người Việt đến đây khai thác đất đai sinh cơ lập nghiệp" (7).

Có thể coi sự kiện trên đây là một tiền đề quan trọng của chúa Nguyễn Phúc Nguyên, để rồi hơn nửa thế kỷ sau (vào năm 1679), chúa Nguyễn Phúc Tần sai hai vị quan là Xá sai Văn Trình và Tướng thân lại Văn Chiêu (không rõ họ) đem thư cho vua Chân Lạp, đưa đoàn di thần nhà Minh hơn 3.000 người - lớn nhất trong lịch sử di dân của Trung Hoa ra nước ngoài - yêu cầu vua Chân Lạp cấp đất cho họ định cư. Đoàn di thần này được chia làm hai, một bộ phận do Dương Ngạn Địch và Hoàn Tiến vào cửa Lôi Lạp (sau thuộc Gia Định), còn bộ phận kia theo Trần Thượng Xuyên và Trần An Bình vào cửa Cần Giuộc, đến đóng ở Bàn Lân (thuộc Biên Hoà) sinh sống (8). Chính lực lượng di dân người Hoa này với kinh nghiệm, tay nghề và vốn liếng mang theo của họ đã góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế, mở mang vùng đất Mỹ Tho, Biên Hoà, trong đó có Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngoài việc đưa dân chúng đi khai khẩn đất đai hoang hoá, chúa Nguyễn còn chủ trương sử dụng binh lính khai phá đất đai, canh tác ở khu vực trú quân nhằm tự cung tự cấp phần nào lương thực cho quân đội. Vùng đất Bà Rịa - Vũng Tàu được triển khai theo hình thức này từ rất sớm.

Sử cũ ghi lại vào năm 1658, dưới thời chúa Nguyễn Phúc Tần (1648-1687), Phó tướng dinh Trấn Biên (Phú Yên) là Nguyễn Phước Yển đem 3.000 quân đánh thành Hưng Phước, bắt được Nặc Ông Chân, rồi lấy cơ bảo vệ những lưu dân Việt đến làm ăn sinh sống, không rút quân về. Tiếp đến, cuộc hành quân của Nguyễn Diên và Nguyễn Dương Lâm vào năm Giáp Dần (1674), đánh bắt được Bồ Tâm, rồi đóng quân tại lũy Phước Tứ (có lẽ là vùng thị

trấn Long Điền ngày nay - TG) để giữ nơi trọng yếu này (9). Trong những lần xuất quân, chúa Nguyễn đã cho binh lính khai phá đất đai xây dựng khu dinh điền Mô Xoài. Có thể nói khu dinh điền Mô Xoài (Bà Rịa) do quân lính quản lý là mô hình sản xuất nông nghiệp tập trung sớm nhất ở đất Đồng Nai - Gia Định thời chúa Nguyễn (10).

Tiếp theo, năm 1689, Mai Vạn Long sau khi dẹp xong loạn Hoàng Tiến (11) và sự quấy phá của quân Chân Lạp, đã "sai các tướng chia binh võ đất cày cấy" ở khu vực Sầm Khê (12) (tức Rạch Gầm) lập nên một khu dinh điền mới. Mô hình dinh điền này về sau đã trở thành phổ biến dưới thời các vua đầu nhà Nguyễn do hiệu quả thiết thực của nó.

Các cuộc di dân tự do của nhân dân, cùng với chính sách đưa dân Việt vào vùng đất mới đã tạo ra một lớp cư dân mới khá đông đúc ở vùng đất Đồng Nai - Gia Định, trong đó có Bà Rịa - Vũng Tàu. Ban đầu lưu dân Việt sống xen lẫn với người Khmer, nhưng vì khác nhau về văn hoá và sinh hoạt nên người Khmer chuyển đi nơi khác, không tranh giành, ngăn trở (13). Các dân tộc Châuro, S'tiêng, Mạ cũng thế, vốn có tập quán du canh, du cư từ lâu đời, nên họ chuyển dân về sống ở phía Bắc thuộc vùng đất đỏ có rừng già che phủ.

2. Vào đầu thế kỷ XVII khi đường bộ chưa hình thành, phương tiện vận chuyển chủ yếu là ghe thuyền đi dọc theo ven biển. Do đó, hành trình của không ít lưu dân từ các tỉnh miền ngoài vào Nam phải diễn ra thành nhiều chặng. Một bộ phận dân cư có điều kiện kinh tế tốt hơn, họ thuê hoặc theo các ghe bầu buôn bán đường dài Bắc - Nam, đi thẳng đến định cư ở Đàng Trong. Trên cuộc hành trình đó, trấn Biên Hoà là đất địa đầu của Đồng Nai - Gia Định, mà

"Bà Rịa là đầu địa giới của trấn Biên Hoà" (14), nằm ở vị trí tiếp giáp với Nam Tây Nguyên và tỉnh Bình Thuận ở phía Đông Bắc, phía Đông và Nam là biển. Do nằm ở vị trí đặc biệt, Bà Rịa - Vũng Tàu trở thành nơi đặt chân sớm nhất của những lớp lưu dân từ miền ngoài vào Nam. Sự việc này được Trần Trọng Kim viết trong sách *Việt Nam sử lược* như sau: "Nguyên nước Chân Lạp ở vào quãng dưới sông Mê công, có lắm sông nhiều ngòi, ruộng đất thì nhiều mà nước Nam ta thường hay mất mùa, dân tình thì phải đói khổ luôn và lại vào lúc nhà Nguyễn, chúa Trịnh đánh nhau, cho nên nhiều người bỏ vào khẩn đất, làm ruộng ở Mô Xoài (Bà Rịa) và ở Đồng Nai (nay thuộc Biên Hoà)" (15).

Những lưu dân người Việt vào định cư ở khu vực Bà Rịa - Vũng Tàu trong thế kỷ XVII chủ yếu bằng đường biển... Họ thường chọn nơi cửa sông, cửa rạch, những vịnh nhỏ, hoặc những bãi ngang, bên trong có thể vỡ đất cấy lúa hoặc trồng những hoa lợi ngắn ngày để có thể kết hợp sản xuất nông nghiệp với việc đánh bắt hải sản, nhằm giải quyết cuộc sống trước mắt. Những địa điểm dừng chân đầu tiên của lưu dân là cửa sông Xích Lam (sông Ray), Phước Hải, cửa Lấp, cửa sông Dinh. Ban đầu chỉ là những xóm chài lưới, rồi dần dần phát triển thành những làng làm nghề đánh cá đông đúc, thịnh vượng như Phước Hải, Phước Tỉnh. Sách *Gia Định thành thông chí* cho biết vùng cửa biển Tắc Khái (16) "dân biển tụ họp ở đó, làm nghề chài cá và câu cá. Đó là đất cá muối trong hạt trấn" (17). Bộ phận chuyên làm nông nghiệp thì dần dần đi sâu vào bên trong, hoặc ngược theo các dòng sông, rạch tìm những chỗ bằng phẳng, khai phá vỡ ruộng nương, xây dựng xóm làng, lập vườn. Những làng Long Hương, Phước Lễ bên bờ sông Dinh, các

làng Long Thạnh, An Ngãi, Phước Hải, Long Điền, Long Lập, Long Kiểng... là những làng được khai phá sớm, dân cư đông đúc.

Khu vực Đất Đỏ cũng được khai phá từ rất sớm. Sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức cho biết: "Đất Đỏ ở vào đất 7 xã, thôn, phường: Phước Hoà, Phước An Trung, Phước Lộc Thượng, Phú Thạnh, Long Thới, Long Hoà và Thới Thạnh thuộc tổng Phước Hưng, huyện Phước An. Vùng này trồng tía đậu, gai, bắp, khoai, xanh tốt to lớn" (18). Trong số các lưu dân đến định cư ở Đất Đỏ có một bộ phận là giáo dân Thiên Chúa giáo. Những người này lập ra một họ đạo ở Xích Lam, gần Đất Đỏ (19). Theo tài liệu của người Pháp thì họ đạo ở Đất Đỏ có 350 giáo dân, chủ yếu từ Đàng Ngoài vào (20).

Vùng Long Điền trước khi người Việt đến lập dinh điền Mô Xoài, thì đã có người Khmer sinh sống, đã từng là nơi đóng quân của Bồ Tâm, mà dấu vết còn lại đến hôm nay là "Bàu Thành", một ao nước nhân tạo chu vi 600m, dành cho voi tắm. Trịnh Hoài Đức, trong sách *Gia Định thành thông chí* gọi địa điểm này là "Dục Tượng trì" (ao tắm voi). Sau này, người Pháp đến, đặt tấm bảng bằng bê tông để chữ "Mare Aux Éléphants còn dân gian thì gọi "Bàu Thành" (một cái bàu nước nằm bên cạnh một thành cổ của người Khmer). Hiện nay, trên gò đất cao ở bên cạnh vẫn còn dấu tích của một đoạn thành lũy xưa xây bằng đá ong. Lỵ sở của huyện Phước An ở thế kỷ XVIII đóng ở thôn Long Điền (21). Như vậy, những lưu dân Việt đã kế thừa những thành quả mở mang, khai phá của người Khmer và biến nơi đây thành "chỗ quan yếu của đạo Mô Xoài" (22) một lỵ sở hành chính, đồng thời là một trung tâm sản xuất và buôn bán khá phồn thịnh, không chỉ có

người Việt mà còn có khá đông thương nhân người Hoa.

Làng Núi Nứa trên đảo Long Sơn cũng hình thành tương đối sớm, nơi tập trung những người làm nghề chài lưới và làm ruộng muối. Sách Gia Định thành thông chí cho biết: "Núi Sa Trục (tục danh là Núi Nứa) cách trấn lỵ về phía Đông 145 dặm, nửa mọc nhiều, dưới sát chằm cỏ, người đánh cá tụ họp ở đó, chài lưới làm nghề" (23).

Riêng Côn Đảo đến thế kỷ XVII có lẽ chưa có dân cư sinh sống, có chăng chỉ là nơi tạm ẩn thân của những toán cướp biển. Vào đầu thế kỷ XVIII, trên đảo mới bắt đầu có một số người đến sinh sống. Theo bản báo cáo của một thương nhân người Pháp tên là Renauly gửi các Giám đốc công ty Đông Ấn Pháp ngày 27-7-1727, lúc này dân số trên đảo đã có khoảng 200 người (24).

Năm 1775, Nguyễn Ánh bị quân Tây Sơn truy đuổi, đã đem theo hơn 100 gia đình chạy ra Côn Đảo, lập nên 3 làng An Hải, An Hội, Cỏ Ống với dự định lấy Côn Đảo làm căn cứ chống lại Tây Sơn. Nhưng kế hoạch bất thành. Đến thế kỷ XIX, Côn Đảo được dùng làm nơi giam giữ những người chống đối lại triều đình. Số người này phải tự làm ăn, sinh sống, chủ yếu là làm nông nghiệp và đánh bắt hải sản. Đến giữa thế kỷ XIX, trước khi Pháp xâm lược Việt Nam, số dân trên đảo, kể cả binh lính trú đóng và tù phát vãng lên tới 1.000 người. Đất đai khai phá để cày cấy được 180 mẫu (25).

Theo sử nhà Nguyễn, đến hết thế kỷ XVII, sau khoảng 100 năm khai phá của lưu dân người Việt, "đất đai đã mở rộng được nghìn dặm, với số dân hơn 4 vạn hộ", tương đương với 200.000 dân. Những điều kiện để thiết lập một bộ máy quản lý hành chính của chúa Nguyễn trên đất Đông Phố đã chín muồi. Sau khi làm chủ vùng đất

Bình Thuận, năm Mậu Dần (1698), Thống suất Nguyễn Hữu Kính được chúa Nguyễn Phúc Chu cử vào kinh lược đất Đông Phố (cũng gọi là Giản Phố) "lấy Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên (tức Biên Hoà ngày nay)..., dựng dinh Phiên Trấn (tức Gia Định ngày nay)... thiết lập xã, thôn, phường, ấp..., định lệ thuế tô dung, làm sổ dinh điền (26).

Huyện Phước Long lúc ấy có bốn tổng: Bình An, Phước Chánh, Long Thành, Phước An. Địa giới tổng Phước An tương đương với vùng Bà Rịa - Vũng Tàu ngày nay. Khi mới khai phá, cả vùng Sài Gòn ngày nay đến vùng Biên Hoà chưa có đường bộ, phương tiện giao thông chủ yếu là thuyền. Đến năm 1748, nhân có việc dùng binh, Điều khiển Nguyễn Hữu Doãn mới sai giăng dây, do, đắp một con đường thẳng từ phía Bắc Cầu Sơn đến Mũi Xuy (Bà Rịa), gặp sông ngòi thì đặt bến dò, bắc cầu cống, nơi bùn lầy thì đắp đất bồi thêm lên, trên đường có đặt nhà trạm, đường ấy gọi là đường "Thiên Lý Cù" (27). Con đường này chạy dọc theo ven biển Bà Rịa - Vũng Tàu ngày nay, qua trung tâm tổng Phước An, cập theo sông Thị Vải lên đến vùng Trấn Biên, tổng Bình An, nối vùng Bình Thuận với vùng đất Đồng Nai - Gia Định (28).

Có thể coi Nguyễn Hữu Kính là viên quan cai trị đầu tiên của Chính quyền chúa Nguyễn ở vùng đất này. Chính quyền đã đứng ra "chiêu mộ những dân xiêu dạt từ Bố Chánh trở vào Nam" đến khai khẩn ruộng nương ở vùng Đông Phố, chúa Nguyễn cũng vận động "những dân có vật lực ở xứ Quảng Nam các phủ Điện Bàn, Quảng Ngãi, Quy Nhơn cho dời tới ở đây, vỡ ruộng, lập vườn, dựng nhà cửa" (29). Những người được coi là "dân có vật lực" tức là những người giàu có, những người thuộc tầng lớp khá giả, họ không những có

vốn liếng, công cụ, phương tiện sản xuất, mà quan trọng hơn họ đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm tổ chức sản xuất, cách thức làm ăn từ vùng đất "trung chuyển" Quảng Nam. Vào Nam, nơi đất đai màu mỡ, khí hậu ôn hoà, môi trường tự nhiên có nhiều thuận lợi, lớp lưu dân đặc biệt này đã phát huy những lợi thế của mình, góp phần quan trọng làm biến đổi nhanh chóng bộ mặt kinh tế - xã hội vùng đất Đồng Nai, Gia Định.

3. Về diện tích đất đai được khai phá của tỉnh Bà Rịa, cũng như các tỉnh khác ở Nam Kỳ trước thế kỷ XIX, hầu như không có nguồn tài liệu nào nói đến. Phải chờ đến cuộc Tổng điều tra ruộng đất đầu tiên ở Nam Kỳ vào năm Minh Mạng thứ 17 (1836) mới có những số liệu đo đạc chính thức. Theo *Địa bạ tỉnh Biên Hoà*, gồm có các huyện Bình An, Phước Chánh, Long Thành, Phước An (tương ứng với các tỉnh Đồng Nai, Sông Bé, Bà Rịa - Vũng Tàu ngày nay) thì tổng diện tích đo đạc được như sau (30):

STT	Huyện	Diện tích (mẫu) (31)
1	Bình An	6.723,1
2	Phước Chánh	3.435,7
3	Long Thành	2.425
4	Phước An	1.729,4
Tổng cộng		14.313,2

Các số liệu trên đây cho thấy đến nửa đầu thế kỷ XIX, diện tích ruộng đất được khai phá của huyện Phước An thấp nhất tỉnh Biên Hoà, với 1.729,4 mẫu, bằng nửa huyện Phước Chánh và bằng 1/4 huyện Bình An. Nếu đem so sánh diện tích canh tác của huyện Phước An với diện tích canh tác của 25 huyện thuộc 6 tỉnh Nam Kỳ lúc bấy giờ, thì chỉ bằng 0,28% (32).

Tư liệu lịch sử cho biết trên những đất đai đã khai phá được, ngoài phần dùng làm

thổ cư, thổ tang còn lại là canh tác. Người nông dân trồng nhiều loại cây có ích khác nhau tùy điều kiện thổ nhưỡng mỗi nơi, trong đó cây lúa vẫn là loại cây trồng chính. Lúc đầu họ làm ruộng lúa ở chân các giồng gần nơi cư trú, về sau diện tích mở rộng đến cả những vùng thấp trũng, sinh lầy. Theo *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, lúc bấy giờ người ta chia ra làm hai loại ruộng: Ruộng ở nơi đất cao được gọi là "sơn điền" (tức là ruộng núi, ruộng gò hay ruộng cao), còn ruộng ở nơi trũng thấp, ngập nước vào mùa mưa được gọi là "thảo điền" (tức là ruộng cỏ, ruộng thấp hay ruộng sâu). Ở Phiên An và trấn Biên Hoà, những ruộng cày bằng trâu thì một hộ thóc giống, thu hoạch 100 hộ thóc" (33).

Kỹ thuật canh tác trên các loại ruộng có khác nhau: "Đối với loại sơn điền, lúc bắt đầu khai khẩn thì đốn chặt cây cối, đợi cho khô đốt làm tro (để bón), đến khi mưa trồng lúa, không cần cày bừa, dùng lực ít mà được bội thu. Còn đối với loại thảo điền, ruộng này lau lác, bùn lầy, lúc nắng khô thì nứt nẻ..., có hang hố sâu lớn phải đợi nước mưa đầy đủ dầm thấm, sau đó mới hạ canh, mà trâu cày phải lựa con nào có sức mạnh, móng chân cao mới kéo cày được nếu không vậy thì ngã ngập trong đầm lầy, không đứng dậy nổi" (34). Ngoài kỹ thuật làm đất người ta còn phân chia theo thời vụ. *Ruộng sớm*: tháng 5 gieo mạ, tháng 6 cấy, tháng 9 gặt; *Ruộng muộn*: tháng 6 gieo mạ, tháng 7 cấy, tháng 11 gặt (35).

Ngoài trồng lúa, ở những vùng đất cao, bán sơn địa, người dân còn trồng các loại rau màu, đậu, bông, mía, dâu và các loại cây ăn trái. Nhìn chung, số lượng không nhiều và không tập trung vào các loại trái cây đặc sản nào, nhưng chất lượng không kém so với vùng khác. Vào thời điểm lập

Địa bạ (1836), diện tích đất trồng dâu, mía của Bà Rịa là 37 mẫu. Là vùng đất bán sơn địa lại cận biển, Bà Rịa có nhiều loại đặc sản nổi tiếng được truyền trong dân gian như "Tôm cá Hội Bài, chuối Long Phước". Cau Bà Rịa trước đây cũng rất nổi tiếng. Cây trái miệt quê Bà Rịa từng sánh ngang với những đặc sản nổi tiếng của miền Đông Nam Bộ: "Bí, dưa bở Bà Rịa - măng cụt, bưởi Biên Hoà" (36).

Cùng với việc khai khẩn đất hoang canh tác nông nghiệp, lưu dân Bà Rịa - Vũng Tàu còn phát triển nhiều ngành nghề khác như khai thác lâm thổ sản (gỗ, sáp ong, mật ong, dầu trám, dầu rái, tre, lồ ô, cây mây...), khai thác hải sản (đánh bắt cá, làm mắm, làm ruốc). Đặc biệt ở Bà Rịa, nghề muối khá phát triển, nhất là Vũng Dương. Sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức cho biết tình hình làm muối ở Vũng Dương hồi cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX như sau: "Đất ở sát biển, làm giới hạn phía đông của trấn (trấn Biên Hoà - TG), cư dân tụ họp, đồng mặn hàng ngàn khoảnh, đều làm ruộng muối, người dân ở đây lấy việc phơi muối làm nghề" (37), giá rất rẻ "100 cân giá là 1 tiền kềm" (38).

Tổng diện tích ruộng muối huyện Phước An (tức Bà Rịa - Vũng Tàu) vào thời điểm lập *Địa bạ* (1836) là 26 mẫu 3 sào 10 thước. Đến giữa thế kỷ XIX (1867) tăng lên 371 ha (lấy số tròn) (tương đương 758 mẫu). Sản phẩm muối đều do thương nhân người Hoa thu mua, vận chuyển, tiêu thụ ở các nơi, từ Sài Gòn - Chợ Lớn đến Cù My, lên tận Biển Hồ (Cămpuchia). Đến khi Nam Kỳ trở thành thuộc địa, thì người Pháp nắm độc quyền về muối. Những kho chứa muối lớn được thiết lập dọc theo sông Cỏ May và ở Chợ Bến, trước khi đưa đi tiêu thụ ở các nơi.

Cùng với việc khai thác đất đai thành ruộng vườn, canh tác nông nghiệp và khai thác lâm sản, hải sản, lưu dân ở Bà Rịa - Vũng Tàu cũng làm một số nghề thủ công, chủ yếu là nghề thủ công gia đình, nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của đời sống. Trong số các ngành nghề thủ công ở đây, nghề làm đường mía, dệt chiếu, làm giấy, dệt lụa, lãnh là những nghề khá phổ biến, nổi tiếng "có thứ lãnh đen mềm, láng tốt nhất nước" (39).

Sự phát triển của công cuộc khẩn hoang sản xuất nông nghiệp và các ngành nghề khác đã dẫn tới sự ra đời mạng lưới chợ búa để làm nơi trao đổi lương thực, thực phẩm, các mặt hàng thủ công, lâm sản, hải sản, hàng tiêu dùng giữa các cư dân trong vùng. Vào nửa đầu thế kỷ XIX, ở Bà Rịa - Vũng Tàu có các chợ: Bà Rịa, Phước Tỉnh (Giếng Bông), Thành (Long Điền), Bến, Dinh, Lưới Rê (Phước Hải), Cây Sung (Phước Thổ), Thom (Long Lập), Bến Đá (Long Kiểng), Lộc An, Vũng Tàu. Trong đó đáng kể nhất là trung tâm thương mại Chợ Bến (40), tức là chợ Long Thạnh. Sách *Đại Nam nhất thống chí* cho biết: "Chợ Long Thạnh ở thôn Long Thạnh huyện Phước An, tục gọi là chợ Đò, quán xá liên nhau, đường thủy bộ đều tiện" (41). Trịnh Hoài Đức mô tả khu vực Chợ Bến: "nhà phố nối liền, thủy lục giao hội, là chợ to ở nơi biển chằm" (42). Trong thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX Chợ Bến là nơi trao đổi, mua bán sầm uất, là một trong những đầu mối giao lưu quan trọng nhất của huyện Phước An. Thương nhân khắp mọi miền chở hàng hoá đến đây trao đổi, mua bán. Từ đây, các loại đặc sản của Bà Rịa như lụa, lãnh, các loại nông sản, muối được chở đi bán ở các miền khác. Cùng thời gian này, các trung tâm thương mại ở Bà

Rịa, Thị Vải cũng được hình thành và từng bước phát triển.

Trong việc phát triển thương nghiệp ở Bà Rịa - Vũng Tàu cần phải kể đến vai trò của các thương nhân người Hoa. Trước khi người Pháp đến, thương nhân người Hoa nắm độc quyền các ngành nấu rượu, làm nước mắm, hầm than lò... và muối ở Bà Rịa. Di tích còn lại ở Bà Rịa ghi dấu ấn của thương nhân người Hoa là ngôi Nhà Việc ở Phước Lễ. Nơi đây từng là Ngũ bang Hội quán của người Hoa có nguồn gốc từ Hải Nam, Triều Châu, Quảng Đông, Phúc Kiến... đến đây buôn bán, sinh sống (43) và chùa Bà của người Hoa, trong chùa thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu (44).

Cùng với quá trình khai phá, xây dựng làng xóm, dân cư phát triển, các đơn vị hành chính cơ sở của Bà Rịa - Vũng Tàu cũng lần lượt được hình thành. Đến đầu thế kỷ XIX (1818-1820), theo *Gia Định thành thông chí* thì Bà Rịa - Vũng Tàu (lúc bấy giờ là huyện Phước An thuộc trấn Biên Hoà) bao gồm 2 tổng với 43 xã, thôn, phường ấp (45).

- *Tổng An Phú* gồm 21 xã, thôn, ấp: Long Hoà (xã), Long Hiệp (thôn), Long Thắng (thôn), Phước Đức (thôn), Long Xuyên (thôn), Long Kiên (thôn), Long Thuận (thôn), Phước Thạnh (thôn), An Nhứt (thôn), Hắc Lãng (ấp), Phước Thiện (thôn), Long An (thôn), Long Điền (thôn), Long Thạnh (thôn), Long Hưng (thôn), Phước Lễ (thôn), Phú An (ấp), Trúc Phong (thôn), Hưng Long (thôn), tỉnh Bộng phụ lữ (Giếng Bộng) (thôn);

- *Tổng Phước Hưng* gồm 22 thôn, phường: Phước Thới (thôn), Phước Hưng (thôn), Phước Liễu (thôn), Long Trinh (thôn), Phước Lộc Thượng (phường), Phước

An Trung (xã), Long Hoà (thôn), Long Thới (thôn), Gia Thạnh (thôn), Phước Lợi (thôn), Phú Thạnh (thôn), Phước Hoà (thôn), Long Sơn (thôn), Phước Hải (thôn), Long Hội Sơn (thôn), Long Hải (thôn), Long Mỹ Tây Giang trạm (thôn), Hoà Mỹ Giang trạm (thôn), Tân An Giang trạm (thôn).

Mười năm sau (1832), trấn Biên Hoà đổi thành tỉnh Biên Hoà, Bà Rịa - Vũng Tàu (lúc bấy giờ vẫn là huyện Phước An) vẫn bao gồm 42 xã, thôn, phường, thuyền, nhưng chia ra thành 4 tổng. Đối chiếu với số xã thôn những năm 1818-1820, ta thấy số lượng xã, thôn, phường ấp vẫn giữ nguyên gần như cũ, duy xuất hiện thêm một số tên mới (46).

- *Tổng An Phú Thượng* gồm 12 xã, thôn, phường, thuyền: An Nhứt (xã), An Ngãi (xã), Hắc Lãng (xã), Hưng Long (thôn), Long Điền (thôn), Long Nhung (phường), Long Thạnh (thôn), Phước Tỉnh (xã), Thắng Nhứt (thuyền), Thắng Nhì (thuyền), Thắng Tam (thuyền), Vĩnh Điền (xã).

- *Tổng An Phú Hạ* gồm 8 thôn: Đại Thuận (thôn), Long Hiệp (thôn), Long Hương (thôn), Long Kiên (thôn), Long Lập (thôn), Long Xuyên (thôn), Phước Lễ (thôn), Phước Long (thôn).

- *Tổng Phước Hưng Thượng* gồm 10 thôn, xã: An Thới (thôn), Lạc Thuận (thôn), Long Hải (thôn), Long Mỹ Tây (thôn), Phước Hải (xã), Phước Hưng Đông (thôn), Phước Liễu (thôn), Phước Trinh (thôn), Tân An (thôn), Toàn Mỹ (thôn).

- *Tổng Phước Hưng Hạ* gồm 12 thôn, phường, xã: Gia Thạnh (thôn), Hiệp Hoà (thôn), Hưng Hoà (thôn), Long Hưng (thôn), Long Thới (thôn), Phước An Trung (xã), Phước Bảo (thôn), Phước Hiệp (thôn), Phước Lợi (thôn), Phước Lợi Thượng

(phường), Phước Xuân (thôn), Thạnh Mỹ (thôn).

Nói đến công cuộc khai phá đất đai, không thể không đề cập đến vấn đề chiếm hữu ruộng đất. Có thể thấy, diện tích đất đai của Bà Rịa từ thế kỷ XIX về trước rất hạn hẹp. Đất trồng lúa nước chiếm tỷ lệ rất thấp. Bà Rịa không có những đại điền điển, nên cũng không có sự phân biệt miệt vườn, miệt ruộng như vùng ven sông Tiền, sông Hậu. Nhìn chung ruộng đất khá manh mún. Ngay làng Long Điền được mệnh danh là đất trù phú nhất của tổng An Phú Thượng, theo *Địa bạ Minh Mạng* (1836) cũng chỉ có ruộng lúa thực canh 95 mẫu và ruộng muối 21 mẫu. Nếu gộp chung lại 2 loại ruộng này thì diện tích toàn bộ cũng chỉ có 28 ha.

Trong sách *Chuyên khảo tỉnh Bà Rịa*, Lê Thánh Tường, nguyên là Tỉnh trưởng Bà Rịa vào những năm 50 thế kỷ XX, đã nhận xét: "Tỉnh Bà Rịa không có những chủ sở hữu lớn về ruộng lúa, mà chỉ có những tiểu điền chủ nhỏ". Ruộng lúa của Bà Rịa chiếm khoảng 1/5 diện tích của tỉnh, do đó trung bình hàng năm phải nhập thêm 6.000 tấn gạo từ các tỉnh miền Tây (47).

CHÚ THÍCH

(1). Hiện nay, người Khmer hầu như còn cư trú rất ít ở vùng Bà Rịa. Cũng có thể mấy thế kỷ qua, do những điều kiện nhất định, trước hết là do sự khác biệt về phương thức sinh sống, phần lớn người Khmer ở đây đã chuyển về sinh sống ở vùng đồng bằng sông Cửu Long (Xem *Di dân của người Việt từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XIX*. Phụ san Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, 1994, tr. 95).

(2). Đào Duy Anh. *Đất nước Việt Nam qua các đời*. Nxb. Thuận Hoá, 1994, tr. 235.

Yves Henri, trong sách *Kinh tế nông nghiệp Đông Dương*, xuất bản năm 1932 cũng đã xếp tỉnh Bà Rịa và Thủ Dầu Một vào danh sách những tỉnh phải mua thêm gạo hàng năm ở Nam Kỳ (48).

Như vậy là từ đầu thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX, trong khoảng thời gian 250 năm, một giai đoạn lịch sử không dài lắm, bộ mặt của vùng đất Bà Rịa - Vũng Tàu đã có những biến đổi sâu sắc. Từ một nơi hoang vu, ven biển là những bãi bồi, rừng ngập mặn, trên thềm đất cao toàn là rừng rậm, dân cư thưa thớt đã trở thành ruộng đồng, làng mạc đông vui, trù phú. Tài nguyên của đất, của biển, của rừng được khai thác, được vực dậy để phục vụ cho đời sống con người. Không những thế, từ đất Bà Rịa, lưu dân lại tiếp tục di chuyển theo hai hướng: hoặc đi về phía đồng bằng sông Cửu Long, hoặc ngược về phía Ngã Bảy đi lên thượng nguồn sông Sài Gòn và sông Đồng Nai, khai phá thêm các vùng đất mới. Do đó, vùng đất Bà Rịa trở thành một trong những địa bàn "trung chuyển" của lưu dân trên con đường khai phá vùng đồng bằng sông Cửu Long rộng lớn, để tạo thành vựa lúa lớn nhất nước hôm nay.

(3). Nhiều tác giả. *Biên Hoà - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển*. Nxb. Đồng Nai, 1998, tr. 71.

(4). Huỳnh Lứa (chủ biên). *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ*. Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1981, tr. 38.

(5). Huỳnh Lứa. Sdd, tr. 42.

(6), (10). Phù Lang Trương Bá Phát. *Lịch sử cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam*. Tập san *Sử Địa số chuyên đề Nam tiến của dân tộc Việt Nam*, 1970, tr. 104.

- (7), (13). Phan Khoang. *Việt sử xứ Đàng Trong*. Khai Trí xuất bản, Sài Gòn, 1970, tr. 401-402.
- (8). Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục. Tiền biên*. Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962, tr. 125.
- (9). Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam nhất thống chí*. Bản dịch của Tu Trai Nguyễn Tạo, Sài Gòn, 1973, tr. 63.
- (11). Tháng 6 năm 1688, Phó tướng Long môn Hoàng Tiến giết chủ tướng Dương Ngạn Địch (đều là di thần nhà Minh), tự xưng là Phấn dưng oai hổ tướng quân, xây thành đắp lũy, sắm sửa binh khí đóng chiến thuyền... mưu làm phản. Triều đình cử tướng Mai Vạn Long đi đánh dẹp (theo *Đại Nam thực lục. Tiền biên*).
- (12). Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục. Tiền biên*. Sdd, tr. 140.
- (14). Trịnh Hoài Đức. *Gia Định thành thông chí*. Nxb. Giáo dục, tr. 31.
- (15). Trần Trọng Kim. *Việt Nam sử lược*. Quyển II. Trung tâm học liệu, Bộ Giáo dục xuất bản, 1971, tr. 80.
- (16). Cửa Lấp, nay thuộc xã Phước Hải, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- (17), (18). Trịnh Hoài Đức. Sdd, tr. 29, 30
- (19), (27). Huỳnh Lứa. Sdd, tr. 49, 140.
- (20). Theo Launay. *Histoire de la mission de Cochinchine 1625-1823*. T.II, Paris, 1923, tr. 187.
- (21), (22), (23). Trịnh Hoài Đức. Sdd, tr. 190-191, 22, 29.
- (24). A. Septans. *Les commercants de L'Indochine Francaise*. Dẫn lại của Phạm Xanh. *Tìm hiểu quá trình hình thành một làng đảo - làng An Hải (Côn Đảo)*. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 1, 2-1980.
- (25). *Đại Nam thực lục. Chính biên*. Sdd, tập XXII, tr. 307.
- (26). Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục. Tiền biên*. Sdd, tr. 153-154.
- (28). Ta có thể hình dung được con đường *Thiên lý* ngày xưa chạy qua huyện Phước An (Bà Rịa sau này) theo ven biển gần trùng khớp với quốc lộ 55 ngày nay, khi đến thị xã Bà Rịa đi về phía Long Thành, trùng khớp với quốc lộ 51 ngày nay.
- (29). Lê Quý Đôn. *Phủ biên tạp lục*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr. 345.
- (30). Dẫn theo Nguyễn Đình Đầu. *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn - tỉnh Biên Hoà*. Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1994, tr. 126.
- (31). Đơn vị mẫu thời nhà Nguyễn được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng* (1836) là mẫu ta, tương đương với 0,5ha (mẫu tây).
- (32). Dẫn theo Nguyễn Đình Đầu. *Tổng kết nghiên cứu địa bạ Nam Kỳ lục tỉnh*. Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1994, tr. 138-139.
- (33), (34), (35), (37), (38), (39), (42), (45). Trịnh Hoài Đức. Sdd, tr. 155, 155, 157, 29, 160, 161, 195, 102.
- (36). Nhiều tác giả. *Biên Hoà - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển*. Nxb. Đồng Nai, 1998, tr. 107.
- (40). Còn gọi là chợ Bà Rịa hoặc Long Thạnh. Nay thuộc địa bàn An Thạnh, xã An Ngãi, huyện Long Đất. Xem thêm Đinh Văn Hạnh. *Những trung tâm thương mại Bà Rịa xưa*. Tạp chí Xưa và Nay, số 76B, tr. 17-18.
- (41). *Đại Nam nhất thống chí*. Sdd, Tập V, tr. 71.
- (43). Ngôi Nhà Việc hiện nay vẫn còn, Hội Ngũ bang của người Hoa vẫn tiếp tục sử dụng. Họ chính là những hậu duệ của những thương nhân người Hoa từng đến Bà Rịa sinh sống trước đây.
- (44). Xem thêm Đinh Văn Hạnh. Tlđđ, tr. 18.
- (46). Danh mục trích từ Nguyễn Đình Đầu. Sdd, tr. 169-171.
- (47). Lê Thành Tường. *Monographie de la Province de Baria*. 1950, tr. 54-59.
- (48). Yves Henri. *Économie agricole de L'Indochine*, GGDT, Hà Nội, 1932.